

Số: 53 /2024/QĐST –HNGĐ

Phú Bình, ngày 14 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77 / 2024/TLST-HNGĐ, ngày 17/4/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: **xóm R, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: **xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84; Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân & gia đình

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị **Dương Thị H** và anh **Nguyễn Văn N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2. Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Huy H1, sinh ngày 06/6/2021. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi ly hôn (tháng 5 năm 2024) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự nhất trí thực hiện việc tính lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: chị Dương Thị H tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003787 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Tân Kim;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hà

